

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ GÒ CÔNG  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2022/DSST

Ngày: 13/5/2022

V/v tranh chấp: “Hợp đồng mua bán tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GÒ CÔNG, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hoàng Nhi.

*Các Hội thẩm nhân dân;*

1. Ông Phan Thanh Phương.

2. Bà Đinh Thị Kim Phụng.

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Gò Công;

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Trường Bảo Vy - Kiểm sát viên;

Ngày 13 tháng 5 năm 2022, Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 03/2022/TLST-DS ngày 05 tháng 01 năm 2022, về việc tranh chấp: “Hợp đồng mua bán tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/QĐXXST- DS, ngày 20 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Đ (CN), sinh năm: 1958.

Địa chỉ: Ấp ThTh, xã ĐS, huyện GCT, tỉnh Tiền Giang.

*- Bị đơn:* 1/ Ông Ngô Văn L, sinh năm: 1960.

2/ Bà Nguyễn Thị R, sinh năm: 1962.

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã BX, TXGC, tỉnh Tiền Giang.

(Bà Đ, ông L và bà R có mặt tại phiên tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* TRng đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị Đ trình bày:*

Năm 2003, ông L và bà R có mua vật liệu xây dựng của tôi để xây nhà. Sau khi mua, có trả tiền nhiều lần nhưng ông L và bà R trả chưa hết nợ. Đến tháng 11/2004,

ông L và bà R còn nợ lại 10.817.000 đồng và xin tôi cho tạm ngừng việc trả 10.817.000 đồng, để hàng tháng, ông L và bà R sẽ trả tiền lãi với lãi suất 1,5%/tháng. Sau ngày thoả thuận tạm ngừng việc trả tiền, ông L và bà R có trả lãi đến tháng 5/2005, được tổng cộng 800.000 đồng thì ngưng trả tiền lãi, chưa trả 10.817.000 đồng mua vật liệu xây dựng còn nợ. Đến ngày 25/3/2020, tôi và bà R cộng lại nợ. Ông L và bà R còn nợ tôi 10.817.000 đồng tiền mua vật liệu xây dựng và tiền lãi của số tiền 10.817.000 đồng từ tháng 6/2005 đến ngày 25/3/2020 là 31.104.000 đồng. Tổng cộng tiền vốn, tiền lãi ông L và bà R nợ tôi là 41.921.000 đồng nhưng tôi cho lại ông L bà R số tiền 1.921.000 đồng nên ông L và bà R chỉ nợ tôi 40.000.000 đồng. Bà R thống nhất số tiền nợ vốn, lãi là 40.000.000 đồng nên ký tên vào “Biên nhận nợ” ngày 25/3/2020 âm lịch. Bà R hẹn đến tháng 10/2020 âm lịch sẽ trả tiền cho tôi nhưng cũng không trả.

Nay tôi yêu cầu ông L, bà R trả 40.000.000 đồng làm 04 lần, mỗi lần trả 10.000.000 đồng, mỗi lần cách nhau 03 tháng, trả lần đầu vào ngày 13/8/2022.

*\* TRng biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị R trình bày:*

Năm 2003, tôi và chồng là ông L có mua vật liệu xây dựng của bà Đ để xây nhà. Sau khi mua có trả tiền đến năm 2004 thì còn nợ lại 10.817.000 đồng. Khi đó, gia đình quá khó khăn nên xin tạm ngừng trả tiền và xin trả lãi hàng tháng. Sau đó, tôi có trả lãi đến tháng 5/2005 được tổng cộng 800.000 đồng thì ngưng, chưa trả 10.817.000 đồng.

Đến ngày 25/3/2020 âm lịch, bà Đ đến nhà tôi đòi tiền. Bà Đ cộng tiền nợ mua vật liệu xây dựng chưa trả là 10.817.000 đồng và tiền lãi tRng 16 năm, tổng cộng là 40.000.000 đồng. Tôi có viết tiếp vào biên nhận là hẹn tháng 10/2020 âm lịch trả đủ tiền cho bà Đ và ký tên, ghi họ tên vào biên nhận. Tôi nghĩ bà Đ chỉ viết tRng biên nhận tôi còn nợ tiền mua vật liệu xây dựng là 10.817.000 đồng nên không đọc nội dung biên nhận. Khi bà Đ khởi kiện, tôi mới biết biên nhận ghi tôi nợ bà Đ 40.000.000 đồng.

Do kinh tế quá khó khăn, hiện tại không có thu nhập ổn định nên xin bà Đ giảm bớt số tiền lãi. Tôi và ông L xin trả tiền mua vật liệu xây dựng còn nợ và trả tiền lãi tổng cộng là 21.000.000 đồng. Xin trả làm 02 lần: Tháng 10/2022 trả 11.000.000 đồng, đến tháng 8/2023 trả 10.000.000 đồng.

*\* TRng biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn ông Ngô Văn L trình bày:*

Tôi thống nhất với lời trình bày của bà R. Năm 2003, tôi và bà R có mua có mua vật liệu xây dựng của bà Đ để xây nhà. Sau khi mua có trả đến năm 2004 thì còn nợ lại 10.817.000 đồng và xin bà Đ tạm ngừng trả tiền, để trả lãi hàng tháng.

Sau đó tôi và bà L có trả lãi đến năm 2005, được 800.000 đồng thì ngưng trả lãi, chưa trả số tiền 10.817.000 đồng.

Tôi không ký tên vào “Biên nhận nợ” ngày 25/3/2020 âm lịch nhưng sau đó có nghe bà R nói lại việc bà R có ký tên vào biên nhận nợ. Nay tôi đồng ý cùng bà R trả tiền cho bà Đ, nhưng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên xin trả tổng cộng là 21.000.000 đồng theo thời gian như bà R trình bày.

*\* Ý kiến của Viện kiểm sát:*

- Về thẩm quyền thụ lý, việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán tRng thời gian chuẩn bị xét xử như: Thu thập chứng cứ, tổng đạt văn bản tố tụng, thời hạn chuẩn bị xét xử,...; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng; tất cả thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết:

Hai bên đương sự trình bày có cơ sở xác định ông L và bà R có mua vật liệu xây dựng của bà Đ để làm nhà và đến năm 2004 còn nợ lại 10.817.000 đồng, không hẹn thời gian trả cụ thể, chỉ thỏa thuận trả lãi nhưng không thống nhất về mức lãi suất, cũng không có chứng cứ chứng minh. Ông L và bà R có trả được 800.000 đồng tiền lãi đến tháng 5/2020 âm lịch thì ngưng, không nhớ mỗi tháng trả bao nhiêu. Do đó, không có căn cứ xác định mức lãi suất đã thỏa thuận giữa 02 bên.

Tại thời điểm kết nợ là ngày 25/3/2005 âm lịch, bà Đ tính tiền lãi với lãi suất 18%/năm (1,5%/tháng), tRng thời gian 16 năm, thành số tiền 31.104.000 đồng không phù hợp qui định pháp luật về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ tại thời điểm giao kết hợp đồng... Căn cứ Điều 313, 421, 431 Bộ luật Dân sự năm 1995; Nghị quyết 326//2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có tRng hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa; đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đ. Buộc ông L và bà R trả cho bà Đ 10.817.000 đồng, trả làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật. Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tRng hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[Về quan hệ pháp luật]**

Bà Lê Thị Đ khởi kiện, yêu cầu giải quyết buộc ông Ngô Văn L, bà Nguyễn Thị R trả tiền mua vật liệu xây dựng còn nợ theo “Biên nhận nợ” ngày 25/3/2020 âm lịch nên đây là tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự, theo qui định

tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Gò Công theo khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

**[Về phạm vi khởi kiện, thời hiệu khởi kiện]**

Bà Lê Thị Đ yêu cầu ông Ngô Văn L, bà Nguyễn Thị R trả tiền theo “Biên nhận nợ” ngày 25/3/2020 âm lịch (nhằm ngày 17/4/2020 dương lịch). Tuy nguồn gốc số tiền phát sinh từ giao dịch dân sự vào năm 2003, nhưng đến 25/3/2020 âm lịch, các đương sự đã thỏa thuận lại số nợ, thể hiện qua việc viết biên nhận nợ ngày 25/3/2020 âm lịch. Do đó, áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 giải quyết tranh chấp mới là phù hợp. Nội dung biên nhận có thỏa thuận ngày trả tiền là tháng 10/2020 âm lịch (nhằm tháng 11/2020). Ông L, bà R không trả nợ theo thỏa thuận là vi phạm hợp đồng nên Tòa án nhân dân thị xã Gò Công thụ lý vụ án ngày 05/01/2022, không vi phạm thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 Bộ Luật Dân sự năm 2015.

Quá trình giải quyết, bị đơn không có yêu cầu phản tố.

**[Về nội dung vụ kiện]**

Tại phiên Tòa, bà Đ yêu cầu ông L và bà R trả số tiền 40.000.000 đồng theo “Biên nhận nợ” ngày 25/3/2020 âm lịch. Bà R thừa nhận có ký tên và viết nội dung hẹn đến tháng 10 năm 2020 âm lịch sẽ trả tiền cho bà Đ. Ông L thì cho rằng, khi bà R ký tên và viết nội dung hẹn trả nợ vào biên nhận, ông không tham gia vì không ở nhà, nhưng sau đó có nghe bà R nói lại. Nay ông đồng ý cùng bà R trả tiền cho bà Đ. Đây là sự tự nguyện của ông L và bà R nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Tại phiên tòa, các bên đương sự trình bày thống nhất số tiền 40.000.000 đồng tại “Biên nhận nợ” ngày 25/3/2020 âm lịch, gồm có 10.817.000 đồng là tiền mua vật liệu xây dựng còn nợ từ năm 2013 và 28.183.000 đồng (40.000.000đ - 10.817.000đ) là tiền lãi của số tiền 10.817.000 đồng từ tháng 5/2005 đến tháng 3/2020. Bà Đ trình bày số tiền lãi ghi trên biên nhận được tính với mức lãi suất 1,5%/tháng. Tuy mức lãi suất 1,5%/ tháng có cao nhưng không vượt quá mức lãi suất quy định theo khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 là 1,66%/tháng (20%/năm). Mặt khác, khi bà R ký tên vào biên nhận nợ, ngày 25/3/2020 âm lịch, là thể hiện sự tự nguyện trả lãi cho bà Đ với lãi suất 1,5%/tháng. Khi ông L được bà R thông báo có ký nhận nợ với bà Đ, ông L cũng không có ý kiến phản đối. Do đó, có cơ sở xác định ông L, bà R thống nhất nợ bà Đ 40.000.000 đồng theo “Biên nhận nợ” ngày 25/3/2020 âm lịch, nên phải có nghĩa vụ trả tiền cho bà Đ.

Xét về thời gian trả tiền: Tại phiên tòa, bà Đ yêu cầu ông L, bà R trả 40.000.000 đồng làm 4 lần, ngày trả cuối là 13/5/2023. Ông L và bà R xin trả tiền làm 02 lần, lần trả cuối là tháng 10/2023. Xét thấy, Theo nội dung “Biên nhận nợ” ngày 25/3/2020 âm lịch, bà R hẹn đến tháng 10/2020 âm lịch trả tiền cho bà Đ nhưng không thực hiện. Nay lại xin kéo dài thời gian trả nợ sẽ làm thiệt thòi cho quyền lợi

của bà Đ. Do đó, chấp nhận yêu cầu của bà Đ. Buộc ông L, bà R trả tiền làm 04 lần, mỗi lần trả 10.000.000 đồng, mỗi lần cách nhau 3 tháng, thực hiện lần đầu vào ngày 13/8/2022.

**[Về ý kiến phân tích và đề nghị của Kiểm sát viên]**

Như phân tích trên, ý kiến phân tích và đề nghị của Kiểm sát viên có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật một phần nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần đề nghị của Kiểm sát viên.

**[Về án phí]**

- Bà Đ không phải nộp án phí.
- Ông L và bà R có nghĩa vụ trả tiền cho bà Đ nên phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, bà R và ông L là thân nhân Liệt sĩ (bà R là con Liệt sĩ), nên được miễn nộp tiền án phí theo qui định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên;*

**QUYẾT ĐỊNH:**

***Điều luật áp dụng:***

- Khoản 2 Điều 357, Điều 429, Điều 430 và Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Điều 5 và khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

***Xử:***

- Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Đ.
- Buộc ông Ngô Văn L và bà Nguyễn Thị R cùng có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Đ số tiền 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng. Thời gian trả làm 04 lần như sau:
  - + Lần 1: Ngày 13/8/2022 trả 10.000.000 (mười triệu) đồng.
  - + Lần 2: Ngày 13/11/2022 trả 10.000.000 (mười triệu) đồng.
  - + Lần 3: Ngày 13/02/2023 trả 10.000.000 (mười triệu) đồng.
  - + Lần 4: Ngày 13/5/2023 trả 10.000.000 (mười triệu) đồng.
- Về án phí: Ông Ngô Văn L và bà Nguyễn Thị R được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Đến hạn trả tiền, nếu ông Ngô Văn L và bà Nguyễn Thị R không thực hiện việc trả tiền theo thời gian trên thì hàng tháng phải trả thêm khoản lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

*Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án đến Tòa án tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- VKSND TXGC;
- Chi cục THA DS TXGC;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**NGUYỄN THỊ HOÀNG NHI**